|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**  Luật số: /2025/QH15  *Dự thảo* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“1. Quốc hội ban hành luật để quy định về các nội dung sau đây:

a) Tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

b) Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân mà theo [Hiến pháp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx" \t "_blank) phải do luật định; việc hạn chế quyền con người, quyền công dân; tội phạm và hình phạt;

c) Chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia, ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;

d) Chính sách cơ bản về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường;

đ) Quốc phòng, an ninh quốc gia;

e) Chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;

g) Hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân; hàm, cấp ngoại giao; hàm, cấp nhà nước khác; huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

h) Chính sách cơ bản về đối ngoại;

i) Trưng cầu ý dân;

k) Cơ chế bảo vệ [Hiến pháp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx" \t "_blank);

l) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy định của Hiến pháp và luật.

2. Việc xây dựng pháp luật theo từng nhiệm kỳ được xác định và thực hiện theo Định hướng chương trình lập pháp của nhiệm kỳ đó và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm.

3. Các dự án luật trước khi trình Quốc hội phải được Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội thẩm tra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

4. Quốc hội thảo luận, xem xét, thông qua dự án luật tại một hoặc nhiều kỳ họp Quốc hội căn cứ vào nội dung của dự án luật.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“**Điều 12. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm**

Quốc hội lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

Việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của Quốc hội.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Đại biểu Quốc hội có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội.

Căn cứ vào năng lực chuyên môn, yêu cầu công tác và khả năng bố trí thời gian tham gia đầy đủ hoạt động của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, đại biểu Quốc hội có thể đăng ký tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc một Ủy ban của Quốc hội. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trên cơ sở đăng ký của đại biểu Quốc hội, phù hợp với cơ cấu số lượng thành viên của từng cơ quan đã được quyết định.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 39 như sau:

“1. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội trong các trường hợp sau đây:

a) Đại biểu Quốc hội bị khởi tố bị can;

b) Đại biểu Quốc hội đang trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với đại biểu Quốc hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã có văn bản đề nghị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội đối với đại biểu Quốc hội đó.

2. Đại biểu Quốc hội được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi có quyết định, kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc không có vi phạm, không bị xử lý kỷ luật, có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

3. Đại biểu Quốc hội bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.”.

5. Bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1 Điều 52 như sau:

“1a. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 53 như sau:

“2. Quyết định số lượng, phê chuẩn danh sách thành viên và việc cho thôi làm thành viên Hội đồng dân tộc, quyết định số lượng, phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Chủ tịch, Ủy viêntại Hội đồng dân tộc.

Quyết định số lượng, phê chuẩn danh sách thành viên và việc cho thôi làm thành viên Ủy ban, quyết định số lượng, phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Chủ nhiệm, Ủy viêntại Ủy ban của Quốc hội.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 54 như sau:

“4. Xem xét đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, người trúng cử đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Quốc hội trong thời gian Quốc hội không họp; quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 39 của Luật này; báo cáo với Quốc hội về việc đại biểu Quốc hội mất quyền đại biểu.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 60 như sau:

“4. Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội được mời tham dự các phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tạiHội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội bàn về những nội dung thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 66 như sau:

“**Điều 66. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội**

1. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội là cơ quan chuyên môn của Quốc hội, do Quốc hội quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội để thực hiện chức năng quy định tại Điều 68a của Luật này, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Quốc hội thành lập Ủy ban lâm thời của Quốc hội trong trường hợp cần thiết theo quy định tại Điều 88 và Điều 89 của Luật này.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 như sau:

“**Điều 67. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

1. Hội đồng dân tộc gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Ủy ban của Quốc hội gồm có Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, và các Ủy viên.

2. Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội do Quốc hội bầu. Các Phó Chủ tịch và các Ủy viên của Hội đồng dân tộc; các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên của Ủy ban do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

3. Thường trực Hội đồng dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng dân tộc. Thường trực Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban của Quốc hội.

Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội giúp Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng, Ủy ban và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội có thể thành lập các tiểu ban để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng, Ủy ban.

5. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có bộ phận giúp việc.

6. Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về cơ cấu tổ chức và quy chế làm việc mẫu của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của bộ phận giúp việc của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; quyết định biên chế và quy định chế độ, chính sách áp dụng đối với đội ngũ công chức giúp việc cho Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phù hợp với tính chất đặc thù trong hoạt động của Quốc hội.”.

11. Bổ sung Điều 68a vào sau Điều 68 như sau:

**“Điều 68a. Chức năng,nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội**

1. Cơ quan chuyên môn của Quốc hội thực hiện các chức năng cơ bản sau đây:

a) Thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; thẩm tra các báo cáo, dự án, đề án khác thuộc lĩnh vực được giao phụ trách;

b) Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, các cơ quan khác có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở trung ương thuộc lĩnh vực được giao phụ trách;

c) Kiến nghị các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của cơ quan mình;

d) Trình dự án luật, dự thảo nghị quyết trước Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước Ủy ban thường vụ Quốc hội về lĩnh vực được giao phụ trách;

đ) Thực hiện một số chức năng khác theo quy định của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 80 như sau:

“1. Trong quá trình thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm phát hiện văn bản có dấu hiệu trái Hiến pháp và kiến nghị cơ quan đã ban hành văn bản thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản đó; trường hợp cơ quan đã ban hành văn bản không thực hiện kiến nghị thì Hội đồng, Ủy ban có quyền kiến nghị Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, xử lý theo thẩm quyền.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bãi bỏ khoản 3 Điều 84 như sau:

“2. Việc triển khai các hoạt động đối ngoại của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội được thực hiện theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội và cấp có thẩm quyền.”.

14. Sửa đổi, bổ sung tên gọi của Chương VI như sau: “Bộ máy giúp việc và kinh phí hoạt động của Quốc hội”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 99 như sau:

“**Điều 99. Văn phòng Quốc hội**

1.Văn phòng Quốc hội là cơ quan hành chính, tham mưu tổng hợp, phục vụ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội; phối hợp phục vụ các hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

2. Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội là người đứng đầu Văn phòng Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hoạt động của Văn phòng Quốc hội.

Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội là người phát ngôn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội; quyết định biên chế cán bộ, công chức, viên chức và quy định chế độ, chính sách áp dụng đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác thuộc Văn phòng Quốc hội phù hợp với tính chất đặc thù trong hoạt động của Quốc hội.”.

16. Bỏ cụm từ “Tổng thư ký Quốc hội,” và “cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội,” tại khoản 1 Điều 101.

17. Thay cụm từ “cơ quan của Quốc hội” tại khoản 1 Điều 24 và cụm từ “các cơ quan của Quốc hội” tại tên Điều 25 bằng cụm từ “Hội đồng dân tộc, các Ủy ban”.

18. Bãi bỏ các điều 13, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, khoản 2 Điều 80, các điều 85, 86, 98 và 100.

**Điều****2. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày được Quốc hội thông qua.

2. Các Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội được tổ chức theo Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH tiếp tục hoạt động cho đến khi Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội có quyết định về việc chấm dứt hoạt động.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 09 thông qua ngày ... tháng .... năm 2025*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**  **Trần Thanh Mẫn** |